TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN N** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2023/QĐCNHGT-DS	*Quận N, ngày 15 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của Ngân hàng thương mại cổ phần A, ông Trần Đức H và bà Bùi Thị N.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng đề ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Ngân hàng thương mại cổ phần A.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 30 tháng 5 năm 2023 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

+ Người khởi kiện: Ngân hàng thương mại cổ phần A; địa chỉ trụ sở: Số 442, đường N, Phường 5, Quận 3, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Bà Đ – là đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền số 1092/UQ-CNTl.23 ngày 12/4/2023).

+ Người bị kiện: Ông Trần Đức H; nơi ĐKHKTT: Số 39Đ2 đường Đ, phường Đ, quận N, thành phố H; nơi tạm trú: Số 8/36/71 đường Đ, phường Đ, quận N, thành phố H.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị N; nơi ĐKHKTT: Số 39Đ2 đường Đ, phường Đ, quận N, thành phố H; nơi tạm trú: Số 8/36/71 đường Đ, phường Đ, quận N, thành phố H.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 30 tháng 5 năm 2023 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận két quả hòa giải ngày 30 tháng 5 năm 2023, cụ thể như sau:

- Về khoản nợ: Các bên thống nhất xác nhận tạm tính đến ngày 30/5/2023, ông Trần Đức H còn nợ và có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền 204.151.041 đồng, trong đó nợ gốc 128.300.000 đồng, lãi trong hạn 9.884.247 đồng, lãi quá hạn: 47.229.444 đồng; phạt chậm trả lãi: 2.163.971 đồng theo Hợp đồng tín dụng số SHP.CN.2470.181220 ngày 18/12/2020 và nợ gốc 11.247.922, lãi quá hạn 5.325.486 theo Giấy đề nghị cấp thẻ số 3220357028770 ngày 18/12/2020. Bà Bùi Thị N có trách nhiệm đối với nghĩa vụ trả nợ khoản vay trên của ông Trần Đức H theo Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 18/12/2020.

- Phương thức trả nợ như sau:

+ Chậm nhất ngày 25/6/2023, ông Trần Đức H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A toàn bộ số tiền nợ gốc là 139.547.922 đồng.

+ Chậm nhất ngày 15/7/2023, ông Trần Đức H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A toàn bộ số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và phạt chậm trả đối với cả hai khoản vay là 64.603.119 đồng.

Ông Trần Đức H còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng số SHP.CN.2470.181220, Giấy đề nghị cấp thẻ số 3220357028770 và bảng các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần A tính kể từ ngày 31/5/2023 đến ngày trả hết nợ. Ngoài ra, ông Trần Đức H không phải chịu khoản lãi nào khác.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Trường hợp ông Trần Đức H không thực hiện theo đúng thỏa thuận như đã cam kết, Ngân hàng thương mại cổ phần A được quyền đề nghị thi hành án theo thứ tự trả nợ: Nợ gốc, phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn và bà Bùi Thị N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 18/12/2020.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự

3. Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND quận N, thành phố H;
- Chi cục THADS quận N, thành phố H;
- Lưu: Hồ sơ vụ việc, TA.

THẨM PHÁN

Lê Thị H